

# ẢNH HƯỞNG CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐỐI VỚI QUẢN TRỊ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

**Đinh Xuân Khoa, Phạm Minh Hùng**

*Trường Đại học Vinh*

Ngày nhận bài 7/02/2020, ngày nhận đăng 14/4/2020

**Tóm tắt:** Giáo dục đại học là một bộ phận không thể tách rời của nền kinh tế thị trường. Hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học là xu thế tất yếu. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã tạo ảnh hưởng, đòi hỏi các trường đại học Việt Nam phải đổi mới căn bản hoạt động quản trị nhà trường, thông qua các giải pháp sau đây: Nhận thức sâu sắc ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đối với quản trị trường đại học; Xác định quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của trường đại học; Hợp tác, chia sẻ trách nhiệm giữa trường đại học với các bên liên quan; Tạo dựng, quảng bá và khai thác thương hiệu, giá trị cốt lõi của trường đại học; Chủ động tham gia vào các bảng xếp hạng trường đại học quốc tế.

**Từ khóa:** Kinh tế thị trường; hội nhập quốc tế; quản trị đại học; ảnh hưởng.

## 1. Đặt vấn đề

Quản trị (QT) trường đại học (ĐH) là quá trình tổ chức, vận hành, kiểm soát hoạt động của trường ĐH nhằm đạt được mục tiêu QT một cách tối ưu nhất. QT trường ĐH gắn liền với việc xây dựng, tập hợp hệ thống quy tắc/luật lệ và hệ thống khen thưởng/kỷ luật trong nhà trường; xác định các mối quan hệ về thẩm quyền, quy định những cách thức tổ chức và khuyến khích sự phục tùng/đồng thuận với các chính sách và thủ tục được ban hành.

Trong mười năm trở lại đây, hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) của nước ta đã có những thay đổi cơ bản, đặc biệt là sự đa dạng hóa sở hữu các trường ĐH, các loại hình đào tạo cũng như đòi hỏi của các nhà tuyển dụng... Những thay đổi này đã làm cho phương thức QT trường ĐH như trước đây không còn thích hợp nữa; cần phải có những thay đổi căn bản để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội và xu thế của thời đại. GDĐH nước ta và thế giới ngày càng trở nên đa dạng một cách chưa từng có. Cùng phải giải quyết những vấn đề giống nhau nhưng các trường ĐH phải có những cách giải quyết khác nhau. Điều đó phụ thuộc vào năng lực của những người lãnh đạo, quản lý nhà trường và điều đó cũng làm nên khác biệt trong sự phát triển của từng trường ĐH. Những gì mà các trường ĐH Việt Nam đang có hiện nay là kết quả của cách vận hành hiện tại. Chỉ có thể tạo ra một kết quả mới khi các trường thay đổi cách vận hành ấy. Khả năng tự đổi mới mình trở thành khả năng sống còn của mọi trường ĐH, trong đó quan trọng nhất là đổi mới thiết chế QT trường ĐH. Tuy nhiên, các trường ĐH Việt Nam hiện đang gặp khó khăn trong việc xây dựng mô hình QT trường ĐH trong nền kinh tế thị trường (KTTT), định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) và hội nhập quốc tế (HNQT).

Bài viết tập trung làm rõ ảnh hưởng của nền KTTT, định hướng XHCH và HNQT đối với QT trường ĐH Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu để đổi mới hoạt động QT trường ĐH.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa đối với quản trị trường đại học Việt Nam**

KTTT được thừa nhận là thành tựu chung của nền văn minh nhân loại, không phải là cái riêng của chủ nghĩa tư bản và cũng không đồng nhất với chủ nghĩa tư bản. Từ Đại hội VIII, Đảng ta đã chỉ rõ: Sản xuất hàng hóa là thành tựu của nền văn minh nhân loại, nó không đối lập với chủ nghĩa xã hội, nó cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng. Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN cũng đã chỉ rõ: Nền KTTT là sản phẩm của văn minh nhân loại được phát triển tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng bản thân KTTT không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản. Nền KTTT định hướng XHCN thực chất là “nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT, đồng thời đảm bảo định hướng XHCN, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr. 102). KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là một hình thức đặc thù của KTTT, thể hiện sâu sắc mối quan hệ giữa phát triển KTTT với bảo đảm định hướng XHCN của nền kinh tế. Một trong những nội dung mấu chốt, quan trọng nhất trong định hướng XHCN nền KTTT của Việt Nam là phát triển bền vững. Đó là một quá trình phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, bảo vệ môi trường cùng với sự phát triển con người. Khi nói đến phát triển bền vững, phải nói đến cả 3 trụ cột là kinh tế, xã hội và môi trường. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: Phát triển KTTT gắn với giải quyết hài hòa các vấn đề xã hội, môi trường (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Như vậy, trong đường lối phát triển của Việt Nam, khái niệm “định hướng XHCN” chỉ có ý nghĩa thực tiễn khi mang “nội hàm” phát triển bền vững vì sự tiến bộ xã hội, sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi cá nhân. Vì lẽ đó, KTTT và định hướng XHCN không mâu thuẫn nhau. Nền KTTT định hướng XHCN tác động một cách sâu rộng đến toàn bộ xã hội cùng với các thiết chế của nó. Trong hệ thống giáo dục quốc dân, GDĐH và giáo dục nghề nghiệp chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của nền KTTT. Trên thế giới, ở các nước có nền KTTT phát triển, GDĐH là một bộ phận của nền KTTT. GDĐH vừa chịu ảnh hưởng của nền KTTT nhưng cũng vừa góp phần thúc đẩy sự hoàn thiện và phát triển của nền KTTT. Khi xem xét cơ chế vận hành của GDĐH trong nền KTTT, người ta đã chỉ ra 4 chủ thể cùng tham gia với vai trò khác nhau:

- **Nhà nước** giữ vai trò quan trọng đối với GDĐH qua sự định hướng phát triển GDĐH nhằm phục vụ lợi ích và sự phát triển của quốc gia; xác định các ưu tiên và đưa ra các biện pháp tương ứng có tầm chiến lược để đạt được các ưu tiên đó; tạo ra môi trường thể chế cho hoạt động của hệ thống GDĐH thông qua các văn bản pháp lý; điều phối quy mô, tốc độ và sự phân bổ GDĐH bằng cách tăng hoặc giảm ngân sách, có chính sách đầu tư cho các ngành học cần thiết để đảm bảo tính cân đối. Các vai trò nói trên của Nhà nước cùng với các công cụ quản lý và biện pháp hành chính mà Nhà nước thực hiện đảm bảo vai trò điều hành quan trọng của Nhà nước; đồng thời cũng giúp Nhà nước can thiệp để khắc phục các yếu tố hạn chế của thị trường đối với GDĐH.

- **Thị trường** làm cho GDĐH có một số ưu điểm chính sau đây: 1) Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu kinh tế - xã hội, giảm bớt sự tham gia trực tiếp của chính phủ trong việc

điều hành trường ĐH; 2) Chuyển quyền quyết định sang sinh viên và gia đình của họ; 3) Gắn kết giữa trường ĐH với các doanh nghiệp thông qua cơ chế đặt hàng đào tạo; 4) Làm cho GDDH có khả năng thích nghi và sáng tạo hơn...

Thực tế cho thấy, thị trường có vai trò quan trọng trong cơ chế vận hành GDDH thông qua số lượng và chất lượng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Nhà nước cấp ngân sách cho GDDH dù có thể theo các mô hình khác nhau nhưng đều dựa trên yếu tố căn bản là số lượng tuyển sinh của trường ĐH. Đây là yếu tố thể hiện vai trò của thị trường. Sinh viên và phụ huynh, với vai trò là những khách hàng sẽ cân nhắc, lựa chọn các trường ĐH có uy tín, thương hiệu; ngành nghề đào tạo chuẩn bị tốt cho nghề nghiệp tương lai. Sự lựa chọn của họ tuân theo quy luật cung cầu của thị trường. Đồng thời, cơ chế thị trường cũng tạo ra sức ép, đòi hỏi các trường ĐH phải nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả quản lý và thương hiệu của mình để thu hút sinh viên.

- **Sự tham gia của xã hội** là một bộ phận quan trọng của cơ chế vận hành GDDH trong nền KTTT, có ảnh hưởng đến sự phát triển GDDH. Các lực lượng xã hội bao gồm: người sử dụng lao động, cha mẹ sinh viên và sinh viên, các tổ chức có liên quan, ... Sự tham gia của xã hội vào cơ chế vận hành GDDH thông qua việc hoạch định chính sách và ra quyết định; tham gia trực tiếp vào quản lý GDDH, vào việc thiết kế, đánh giá chương trình, vào các Hội đồng đào tạo hoặc các Hội đồng khác của trường ĐH để kiểm soát chất lượng và buộc trường ĐH phải đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

- **Hoạt động của trường ĐH** có sự tham gia của Nhà nước, thị trường, xã hội. Các trường ĐH phải đối mặt với thách thức do sự kiểm soát ngày càng tăng của Nhà nước, từ sự cạnh tranh của thị trường, xu thế dân chủ và xã hội hóa trong GDDH.

Khi chuyển sang nền KTTT, GDDH Việt Nam cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng của nền KTTT. Các yếu tố của nền KTTT cùng với những quy luật của nó đã ảnh hưởng tới hoạt động của các trường ĐH như mở rộng quy mô tuyển sinh vượt quá khả năng của mình; tập trung mở các ngành mà người học đang có nhu cầu; sử dụng những “thủ thuật” để cạnh tranh thị phần đào tạo; ... Những việc làm này là nguyên nhân trực tiếp làm giảm sút chất lượng đào tạo, lãng phí nguồn lực và làm mất cân đối trong cơ cấu đào tạo không chỉ của từng trường ĐH mà cả hệ thống GDDH. Bên cạnh đó, người nghèo ngày càng ít có cơ hội tiếp cận dịch vụ GDDH chất lượng cao, do chi phí cao. Để khắc phục những nhược điểm trên, GDDH Việt Nam phải “chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng XHCN trong phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013, tr. 121).

Như vậy, GDDH Việt Nam phát triển gắn liền với sự phát triển của KTTT. Cơ chế vận hành GDDH Việt Nam chịu sự tác động và hiệu quả hơn nhờ các yếu tố của nền KTTT có sự can thiệp của Nhà nước. Chính các yếu tố thị trường và ảnh hưởng của nó đối với GDDH đã dẫn tới những thay đổi quan trọng trong lý luận và thực tiễn QT trường ĐH Việt Nam. Một trong những thay đổi quan trọng đó là xác định quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của trường ĐH. Đây được xem là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hoạt động QT của các trường ĐH nước ta trong tiến trình hoàn thiện dần nền KTTT định hướng XHCN. Nếu quyền tự chủ tạo điều kiện để các trường ĐH sáng tạo, đổi mới thì trách nhiệm giải trình lại đảm bảo tính công bằng, phát triển bền vững của các trường ĐH - yếu tố cốt lõi của định hướng XHCN trong phát triển GDDH Việt Nam hiện nay.

## **2.2. Ảnh hưởng của hội nhập quốc tế đối với quản trị trường đại học Việt Nam**

HNQT là hoạt động nhằm tăng cường gắn kết giữa các nước với nhau, dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thẩm quyền định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. HNQT là quá trình phát triển tất yếu, do bản chất xã hội của lao động và quan hệ giữa con người. Sự ra đời và phát triển của KTTT cũng là động lực hàng đầu thúc đẩy quá trình HNQT. HNQT diễn ra dưới nhiều hình thức, cấp độ và trên nhiều lĩnh vực khác nhau, theo tiến trình từ thấp đến cao. Chủ thể của HNQT trước hết là các quốc gia - chủ thể chính của quan hệ quốc tế có đủ thẩm quyền và năng lực đàm phán, ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế. Bên cạnh chủ thể chính này, các chủ thể khác (trong đó có các trường ĐH) cùng hợp thành lực lượng tổng hợp tham gia vào quá trình HNQT.

HNQT đã trở thành một xu thế lớn của thế giới hiện đại, tác động mạnh mẽ đến quan hệ quốc tế và đời sống của từng quốc gia. Ngày nay, HNQT là lựa chọn chính sách của hầu hết các nước, ngay cả những nước phát triển. Thế giới ngày nay đang được số hóa, làm biến đổi hầu như tất cả cách thức giao tiếp của con người với nhau. Các trường ĐH không thể hoạt động hiệu quả nếu chỉ đóng khuôn trong nước. Môi trường toàn cầu hóa đòi hỏi các trường ĐH phải kết nối xuyên quốc gia để hiểu biết lẫn nhau, làm việc cùng nhau và đào tạo ra một thế hệ công dân toàn cầu mới. Tuy nhiên, theo nhiều nhà khoa học, GDĐH Việt Nam còn chưa hội nhập sâu và rộng vào nền giáo dục thế giới. Điều đó đã gây khó khăn cho sinh viên và người lao động khi làm việc và học tập ở nước ngoài. Sinh viên Việt Nam khi ra trường còn hạn chế nhiều so với sinh viên các nước trong khu vực về sự nhạy bén và tính thích nghi. HNQT vừa đem lại những cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra những thách thức lớn đối với các trường ĐH Việt Nam. Một trong những thách thức đó là các trường ĐH Việt Nam phải tham gia vào các bảng xếp hạng quốc tế, để biết mình đang ở đâu và cần phải làm gì để được công nhận trên phạm vi toàn cầu. HNQT không chỉ hội nhập về chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, tổ chức nhà trường và quá trình đào tạo mà còn hội nhập về đầu tư và chi tiêu, về cơ chế QT trường ĐH...

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã nhấn mạnh: “Chủ động HNQT về giáo dục, đào tạo trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo đảm định hướng XHCN, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá và thành tựu khoa học, công nghệ của nhân loại. Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương, thực hiện các cam kết quốc tế về giáo dục, đào tạo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013, tr. 143).

## **2.3. Đổi mới quản trị trường đại học Việt Nam dưới ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế**

Nền KTTT định hướng XHCN và HNQT có ảnh hưởng rất lớn đến GDĐH Việt Nam nói chung, QT các trường ĐH Việt Nam nói riêng. Những ảnh hưởng này đặt ra yêu cầu phải đổi mới hoạt động QT trường ĐH.

### **2.3.1. Nhận thức sâu sắc ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đối với quản trị trường đại học**

Như đã phân tích ở trên, nền KTTT định hướng XHCN và HNQT có ảnh hưởng sâu rộng đến GDĐH Việt Nam trên nhiều phương diện, làm thay đổi căn bản hoạt động

QT của các trường ĐH nước ta. Vì thế, trong hoạt động QT, các trường ĐH phải thấy rõ mặt tích cực cũng như mặt tiêu cực của cơ chế thị trường để phát huy hoặc hạn chế; thấy rõ cơ hội và thách thức của quá trình HNQT để nắm lấy hoặc vượt qua. Nếu không nhận thức sâu sắc ảnh hưởng của nền KTTT định hướng XHCN và HNQT, hoạt động QT sẽ trở nên lạc lõng, thiếu sức sống và không thể trở thành “đòn bẩy” cho sự cải thiện và nâng cao chất lượng của các trường ĐH.

### 2.3.2. Xác định quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của trường đại học

Tự chủ cùng với trách nhiệm giải trình được xem là mô hình tổng quát của đổi mới QT trường ĐH, không chỉ đối với các trường ĐH Việt Nam mà còn đối với các trường ĐH trên thế giới.

Từ kinh nghiệm về tự chủ của các trường ĐH trên thế giới, có thể rút ra một số vấn đề sau đây: 1) Tự chủ học thuật là yêu cầu bắt buộc để trường ĐH có thể phát huy được sứ mệnh của mình; 2) Tự chủ tài chính không có nghĩa là Nhà nước không tiếp tục tài trợ cho các trường ĐH công lập; 3) Tự chủ của các trường ĐH cần đi kèm với kiểm soát chất lượng; 4) Tự chủ là cách thức tốt nhất để huy động các nguồn lực cho sự phát triển các trường ĐH; 5) Tự chủ tài chính nhưng không biến trường ĐH thành doanh nghiệp hoạt động vì lợi nhuận; 6) Tự chủ phải đi kèm với giám sát từ nhiều phía và trách nhiệm giải trình của bản thân các trường ĐH...

Ở Việt Nam, cơ chế tự chủ, quyền quyết định và chịu trách nhiệm về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức, nhân sự và tài chính đối với các trường ĐH công lập đã được thể hiện trong hàng loạt các văn bản có tính pháp lý như: Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập; Luật GDĐH 2018, Điều 32 - *Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDĐH...* Tuy nhiên, đối chiếu với thực tế đang diễn ra, có thể thấy mục tiêu giao quyền tự chủ cho các trường ĐH ở nước ta hiện nay vẫn chưa đạt yêu cầu. Vì thế, trong thời gian tới, các trường ĐH cần chủ động thực hiện quyền tự chủ một cách đầy đủ. Đi đôi với tự chủ, các trường ĐH phải đẩy mạnh trách nhiệm giải trình thông qua tuyên bố sứ mạng, chuẩn đầu ra, các cam kết với xã hội, phụ huynh, sinh viên và những người có lợi ích liên quan khác về chất lượng đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo...

### 2.3.3. Hợp tác, chia sẻ trách nhiệm giữa trường đại học với các bên liên quan

Trường ĐH cần phải xây dựng mối quan hệ hợp tác, chia sẻ trách nhiệm với các bên liên quan. Các bên liên quan này, trước hết là các đơn vị, tổ chức, cá nhân (giảng viên, sinh viên, cán bộ quản lý...) của nhà trường. Khi thiết lập được mối quan hệ hợp tác, chia sẻ trách nhiệm với các đơn vị, tổ chức, cá nhân sẽ tạo ra sự đồng thuận trong nhà trường; đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường được vận hành một cách thông suốt, có hiệu quả; đồng thời ngăn ngừa được các mâu thuẫn có thể xảy ra trong nhà trường.

Cùng với xây dựng mối quan hệ hợp tác, chia sẻ trách nhiệm giữa các đơn vị, tổ chức trong nhà trường, trường ĐH còn phải xây dựng mối quan hệ hợp tác, chia sẻ trách nhiệm với các bên liên quan ngoài nhà trường. Ngày càng có nhiều bên liên quan ngoài nhà trường tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các lĩnh vực hoạt động của trường

ĐH, từ đào tạo, nghiên cứu khoa học đến tổ chức bộ máy và nhân sự... Sự tham gia từ các bên liên quan này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường ĐH mà còn đưa nhà trường lại gần hơn với doanh nghiệp, thị trường lao động và nhu cầu xã hội. Các bên liên quan ngoài nhà trường cũng là nơi cung ứng nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho trường ĐH; sử dụng sản phẩm đào tạo của trường ĐH; tham gia giám sát các hoạt động của trường ĐH và là đối tượng mà trường ĐH có trách nhiệm giải trình.

#### *2.3.4. Tạo dựng, quảng bá và khai thác thương hiệu, giá trị cốt lõi của trường đại học*

Thương hiệu và giá trị cốt lõi là sức mạnh tinh thần của trường ĐH. Trong bối cảnh, GDDH đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ như hiện nay, không chỉ trong phạm vi từng quốc gia, khu vực mà trên phạm vi toàn cầu thì thương hiệu và giá trị cốt lõi càng có ý nghĩa quan trọng hơn đối với từng trường ĐH. Một trường ĐH không có thương hiệu, không có những giá trị cốt lõi mà vì nó tất cả thành viên của nhà trường theo đuổi thì trường ĐH đó cũng sẽ không có chỗ đứng trong bất cứ hệ thống GDDH nào.

Thương hiệu và giá trị cốt lõi không chỉ tạo nên sức mạnh tinh thần mà còn tạo nên sức mạnh vật chất cho trường ĐH. Thương hiệu và giá trị cốt lõi của trường ĐH được quảng bá và khai thác sẽ thu hút ngày càng đông người học, thu hút ngày càng đông các bên liên quan/các lực lượng xã hội tham gia vào hoạt động của nhà trường. Đây chính là cơ sở, tiền đề để thương hiệu và giá trị cốt lõi của trường ĐH chuyển hóa từ sức mạnh tinh thần sang sức mạnh vật chất. Vì thế, tạo dựng, quảng bá và khai thác thương hiệu, giá trị cốt lõi phải được xem là mục tiêu trước mắt và lâu dài của trường ĐH.

#### *2.3.5. Chủ động tham gia vào các bảng xếp hạng trường đại học quốc tế*

Hiện nay, trên thế giới có nhiều bảng xếp hạng trường ĐH. Ý nghĩa tích cực của các bảng xếp hạng là cung cấp thông tin cho người học, cho các chính phủ, kích thích việc thu thập dữ liệu cho việc quản lý hệ thống và nâng cao ý thức của các trường ĐH trong việc cải thiện chất lượng.

Đối với các trường ĐH Việt Nam, 5 năm trước đây, xếp hạng ĐH là vấn đề còn xa lạ nhưng hiện nay, khi đất nước hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới thì việc xác định thứ hạng trở nên rất quan trọng. Vì thế, một số trường ĐH Việt Nam, trong đó đi tiên phong là ĐH Quốc gia Hà Nội đã xây dựng bộ tiêu chí ĐH nghiên cứu, làm cơ sở cho các đơn vị đào tạo định vị hiện trạng, xác định đúng kế hoạch phát triển để ưu tiên đầu tư, đạt chuẩn ĐH nghiên cứu của khu vực và quốc tế. Trường ĐH Vinh cũng đang có sự chuẩn bị tích cực để tham gia vào *Mạng các trường ĐH Đông Nam Á (AUN)*. Các trường ĐH khác, tuy mới được thành lập như ĐH Duy Tân cũng đã có cách tiếp cận QT đúng đắn theo các bộ tiêu chí của ĐH hiện đại, nên đã có thứ hạng quốc gia cao trong bảng xếp hạng Webometrics.

### **3. Kết luận**

GDDH là một bộ phận không thể tách rời của nền KTTT. Các yếu tố của nền KTTT định hướng XHCN, cùng với cơ chế vận hành của nó ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động QT của các trường ĐH Việt Nam, làm thay đổi căn bản lý luận và thực tiễn QT của các trường ĐH Việt Nam.

HNQT trong GDDH là xu thế tất yếu nhưng sự thành công của mỗi nền giáo dục, mỗi trường ĐH trong quá trình này không đồng đều, mà phụ thuộc nhiều vào năng lực nội tại của các quốc gia. HNQT vừa đem lại cơ hội vừa đặt các trường ĐH Việt Nam trước những thách thức trong hoạt động QT.

Những ảnh hưởng của nền KTTT định hướng XHCN và HNQT, đòi hỏi các trường ĐH Việt Nam phải đổi mới căn bản hoạt động QT nhà trường.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Kinh tế Trung ương (2015). *Bản chất và đặc trưng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP về Đổi mới căn bản, toàn diện GDDH Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006). *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP về Quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện bộ máy, biên chế và tài chính ở đơn vị sự nghiệp công lập*.
- Nguyễn Đắc Hưng (2016). *Giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. *Tạp chí Tuyên giáo*, số 10/2016.
- Phạm Thị Ly (2014). *Giáo dục đại học toàn cầu: Một bức tranh không ngừng thay đổi*. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 110.
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2018). *Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung*.

## **SUMMARY**

### **IMPACTS OF THE SOCIALIST-ORIENTED MARKET ECONOMY AND INTERNATIONAL INTEGRATION ON UNIVERSITY GOVERNANCE IN VIETNAM**

Higher education is an inseparable part of the market economy. International integration in higher education is an inevitable trend. The socialist-oriented market economy and international integration have made an impact which requires Vietnamese universities to radically renovate their school governance, through the following solutions: Deeply aware of the influence of the socialist-oriented market economy and international integration on university governance; Determination of university autonomy and accountability; Cooperation and responsibility-sharing between universities and stakeholders; Creating, promoting and exploiting the university brand and core values; Participating actively in international university rankings.

**Keywords:** Market economy; international integration; university governance; impact.